TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 273/2023/HC-PT
Ngày 25 tháng 4 năm 2023
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyển;

Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử trực tuyến (số IV) - Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Điểm cầu thành phần: Phòng xét xử trực tuyến - Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số 50/2023/TLPT-HC ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 196/2022/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3945/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Hoàng Văn A, sinh năm 1959; trú tại: Thôn PK, xã VP, thành phố TB, tỉnh T (Có mặt).

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lại Văn H – Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 07/02/2023), (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Bà Nguyễn Thị Bích T – Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở Tư pháp tỉnh T (Có mặt).

- Ông Nguyễn Tiến S - Phó Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở Tư pháp tỉnh T (Vắng mặt).

- Ông Đào Quang N - Trưởng phòng Nghiệp vụ Trợ giúp pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở Tư pháp tỉnh T (Có mặt).

- Ông Vũ Ngọc T – Phó Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở Tư pháp tỉnh T (Có mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TB, tỉnh T.

3. Ủy ban nhân dân thành phố TB, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ – Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 23/12/2022 và ngày 02/3/2023), (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Đình T – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị V, sinh năm 1963; Anh Hoàng Thế M, sinh năm 1987; Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1989; cùng trú tại: Thôn PK, xã VP, thành phố TB, tỉnh T (Đều vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà V, anh M, anh D: Hoàng Văn A (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2021 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Hoàng Văn A trình bày:

Hộ gia đình ông Hoàng Văn A gồm: ông A, bà Trịnh Thị V (vợ ông A) và các con là anh Hoàng Thế M, anh Hoàng Văn D được chia ruộng tại xã VP. Diện tích đất ruộng của gia đình ông A ở Đồng Trại, thành phố TB, tỉnh T bị thu hồi để thực hiện Dự án xây dựng khu dân cư mới xã VP năm 2016 là 888m^2.

Tại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Ủy ban nhân dân (sau đấy viết tắt là UBND) thành phố TB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, ban hành thì hộ gia đình ông A ở số thứ tự 138, được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 179.658.400 đồng. Số tiền bồi thường hộ gia đình ông được nhận là khoảng 69.000.000 đồng/sào. Sau đó một thời gian, ông A biết có một số hộ được bồi thường ở mức cao hơn, có hộ được bồi thường 110.000.000 đồng/sào, có hộ được bồi thường đến 175.000.000 đồng/sào. Thấy việc bồi thường, hỗ trợ của Nhà nước không công bằng nên ngày 13/12/2019 và ngày 28/12/2020, ông cùng các cá nhân đại diện cho các hộ dân có đất bị thu hồi nộp đơn khiếu nại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 đến Chủ tịch UBND thành phố TB.

Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố TB ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại không chấp nhận đơn của người dân do bà Hoàng Thị B và 04 công dân khác đại diện (trong đó có đại diện cho gia đình ông A) và giữ nguyên nội dung Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày

01/12/2016 của UBND thành phố TB.

Ngày 21/10/2020, người đại diện cho gia đình ông A và các hộ dân (là bà Hoàng Thị B) tiếp tục làm đơn khiếu nại Quyết định số 3272/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố TB. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) với nội dung giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

Vì vậy ông A khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định sau đây:

1. Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố TB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (sau đây viết tắt là Quyết định số 13577/QĐ-UBND).

2. Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố TB về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị B và một số công dân Thôn PK, thôn PT, xã VP (sau đây viết tắt là Quyết định số 3272/QĐ-UBND).

3. Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Hoàng Thị B cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân Thôn PK, thôn PT, xã VP, thành phố TB, tỉnh T (sau đấy viết tắt là Quyết định số 520/QĐ-UBND).

Người bị kiện là UBND thành phố TB và Chủ tịch UBND thành phố TB (do người đại diện theo ủy quyền trình bày):

- Về căn cứ, thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng:

Dự án Khu dân cư mới xã VP, thành phố TB được UBND tỉnh T phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 và được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013. UBND tỉnh T có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án. Hội đồng nhân dân tỉnh T có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Như vậy, dự án khu dân cư mới xã VP thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ quy định Điều 62, Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh T về việc ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, UBND thành phố TB đã ban hành Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân và Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (trong đó có hộ ông Hoàng Văn A) để thực hiện dự án là đúng căn cứ, đúng thẩm quyền.

- Về trình tự, thủ tục và chế độ chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:

Ngày 05/8/2016, UBND thành phố TB ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất, ban hành các thông báo thu hồi đất và gửi đến người có đất bị thu hồi thuộc dự án theo quy định.

Ngày 31/8/2016 và ngày 11/9/2016 Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND xã VP, cơ sở thôn, các đơn vị có liên quan họp với đại diện các hộ dân có đất bị thu hồi đã triển khai kế hoạch, thông báo thu hồi đất, các quy định của pháp luật về giải phóng mặt bằng.

Sau khi thống kê diện tích, chủ sử dụng đất, tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi, nhân khẩu nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án, kiểm đếm tài sản, cây trồng trên đất, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố TB đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, phối hợp với UBND xã VP, cơ sở các thôn tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Sau khi xem xét đề nghị của các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND thành phố TB đã ban hành các Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, trong đó có Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng liên quan đến hộ ông Hoàng Văn A.

- Về lập phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng:

Sau khi ban hành Kế hoạch, Thông báo thu hồi đất, UBND thành phố TB đã chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất, các phòng, ban, đơn vị liên quan của thành phố và UBND xã VP lập phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi theo chế độ chính sách, đơn giá bồi thường, hỗ trợ và thống nhất chung cho tất cả các hộ dân trong cùng dự án theo quy định tại Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 và Công văn số 346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh T; Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố TB, UBND thành phố đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho các hộ dân tại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 (trong đó có hộ ông A) là đảm bảo đúng quy định của Nhà nước và của UBND tỉnh T thống nhất theo một chế độ chính sách đối với tất cả các hộ dân trong cùng dự án. Như vậy, việc ông A cho rằng phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng của dự án khu dân cư mới xã VP không công bằng là không có cơ sở.

- Về giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố TB:

Theo đơn khiếu nại đề ngày 28/5/2020 và nội dung làm việc ngày 11/6/2020 của Thanh tra thành phố TB thì người đại diện cho ông A và một số hộ dân khiếu nại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố TB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân

cư mới xã VP, thành phố TB.

Ngày 03/7/2020, UBND thành phố TB có Thông báo số 590/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại; Ngày 20/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố TB ban hành Quyết định số 2411/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại (lần đầu). Ngày 09/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố TB có Quyết định số 2323/QĐ-UBND ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND thành phố TB giải quyết khiếu nại.

Sau khi xem xét kết quả xác minh của Đoàn xác minh tại Báo cáo số 03/BC-ĐXM về nội dung khiếu nại, ngày 17/9/2020 Phó Chủ tịch UBND thành phố TB ký Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), kết luận, giữ nguyên nội dung Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 và Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố TB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã VP, thành phố TB. Việc giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng, đề nghị Tòa án xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh T (do người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

- Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai: (Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh T):

Chủ tịch UBND tỉnh T thụ lý giải quyết đơn khiếu nại (lần 2) của các công dân (trong đó có hộ ông Hoàng Văn A) đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố TB là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011 và khoản 7 Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

- Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai:

Sau khi nhận đơn khiếu nại của các công dân, Chủ tịch UBND tỉnh T đã thụ lý, thông báo cho các công dân và giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại với công dân theo quy định trước khi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai).

Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai nêu trên bảo đảm đúng theo quy định của Luật Khiếu nại, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

- Về nội dung giải quyết khiếu nại:

Căn cứ Báo cáo số 322/BC-STNMT ngày 30/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của người đại diện cho ông A và một số hộ dân đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố TB về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), Chủ tịch UBND

tỉnh T xác định: Việc giải quyết khiếu nại của các công dân xã VP trong đó có hộ ông A của Chủ tịch UBND thành phố TB là đúng trình tự, thẩm quyền, đảm bảo quyền lợi của hộ ông A và các hộ dân có đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật nên đã quyết định giữ nguyên Quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố TB về việc giải quyết khiếu nại lần đầu. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của ông A.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 196/2022/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh T quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn A, gồm các yêu cầu sau:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố TB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã VP, thành phố TB.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TB về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/10/2022, người khởi kiện là ông Hoàng Văn A kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại Công văn số 603/UBND-BTCD ngày 07/3/2023 và Đơn ngày 07/3/2023, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng Văn A đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh T, Chủ tịch UBND thành phố TB, UBND thành phố TB vắng mặt. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị Tòa án bác kháng cáo và bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Kháng cáo của ông Hoàng Văn A là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính xử bác kháng cáo của ông Hoàng Văn A và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát

viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 27/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, người khởi kiện là ông Hoàng Văn A vắng mặt. Ngày 18/10/2022, Tòa án nhân dân tỉnh T tống đạt Bản án hành chính sơ thẩm số 196/2022/HC-ST ngày 27/9/2022 cho ông A. Ngày 20/10/2022, Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn của ông A kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm nêu trên và gửi kèm đơn đề nghị Tòa án miễn nộp án phí với lý do ông A là người cao tuổi. Đơn kháng cáo của ông A gửi trong thời hạn theo Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên được xem xét thụ lý và giải quyết theo phúc thẩm.

[1.2] Về sự tham gia phiên tòa: Tại cấp phúc thẩm, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng các đương sự không kháng cáo gồm: Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh T, Chủ tịch UBND thành phố TB, UBND thành phố TB vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị V, anh Hoàng Thế M, anh Hoàng Văn D vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về thẩm quyền: Ngày 06/5/2021, ông Hoàng Văn A có đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố TB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã VP, thành phố TB; Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố TB, tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu); Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần hai). Xét thấy, đối tượng khởi kiện là quyết định hành chính do cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền ban hành trong hoạt động quản lý hành chính về lĩnh vực đất đai. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính là đối tượng bị kiện:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Dự án khu dân cư xã VP, thành phố TB được UBND tỉnh T phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012; được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013; UBND tỉnh T có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án; Hội đồng nhân dân tỉnh T có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. UBND tỉnh T ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 05/8/2016 về việc thu hồi đất, ban hành kèm theo Kế hoạch này là thông báo thu hồi đất và gửi đến người có đất bị thu

hồi thuộc dự án theo quy định, việc này đã được niêm yết công khai. Sau cuộc họp với các hộ dân có đất bị thu hồi, UBND thành phố đã xem xét đề nghị của các phòng ban, đơn vị liên quan và ra Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng khu dân cư mới xã VP, thành phố TB (trong đó có hộ ông Hoàng Văn A). Ông A cho rằng việc bồi thường của Nhà nước không công bằng về giá nên đã nên đã ủy quyền cho bà Hoàng Thị B cùng 04 công dân khác làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố TB. Chủ tịch UBND thành phố TB ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu, giữ nguyên Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016. Không đồng ý với quyết định nêu trên, ngày 21/10/2020 bà Hoàng Thị B cùng 04 công dân khác tiếp tục khiếu nại đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai, không chấp nhận đơn khiếu nại của người đại diện cho ông A, giữ nguyên kết quả giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố TB.

Như vậy, việc ban hành Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố TB là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 62, Điều 63 và khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013. Chủ tịch UBND thành phố TB ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai đối với khiếu nại của người đại diện ủy quyền của ông A và các công dân khác là đúng trình tự, thẩm quyền được quy định tại Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 22, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 18, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 36, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013.

[2.2] Về tính hợp pháp về nội dung các Quyết định hành chính:

- Xét Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố TB.

Về cơ sở pháp lý: Sau khi tổng hợp, hoàn thiện phương án trình các phòng, ban đơn vị liên quan của UBND thành phố thẩm định, ngày 01/12/2016 UBND thành phố TB đã ban hành Quyết định số 13511/QĐ-UBND về việc thu hồi đất. Hộ gia đình ông Hoàng Văn A bị thu hồi đất ruộng tại Thôn PK, xã VP theo số thứ tự số 138 (thửa số 78, tờ bản đồ số 11 diện tích 787,6m^2, thửa số 104, tờ số 12, diện tích 99m^2) với tổng số tiền là 179.658.400 đồng. Ông A không khiếu nại đối với quyết định thu hồi đất mà chỉ khiếu nại về mức bồi thường và hỗ trợ.

Về mức giá bồi thường về đất, tài sản trên đất và các khoản hỗ trợ tại

Quyết định số 13577/QĐ-UBND thì thấy: Mức bồi thường về đất theo đơn giá cây trồng hàng năm là 42.000đồng/m^2, hệ số 1,0 (tương ứng 37.296.000 đồng); tiền hỗ trợ đào tạo chuyển nghề và tìm kiếm việc làm là 42.000đồng/m^2, hệ số 1,5 (tương ứng 55.944.000 đồng); mức hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất được áp dụng là nhân khẩu x 30 kg x số tháng x 11.500 đồng, các khoản hỗ trợ khác theo Công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh T và bồi thường tài sản xây dựng, cây cối hoa màu trên đất… tương ứng 86.418.400 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 77, điểm a, b khoản 2 Điều 83, Điều 84, Điều 90 Luật Đất đai năm 2013 và Quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh T ban hành kèm theo Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh T; Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh T về quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh T năm 2016; Điều 14, Điều 15 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh T ban hành quy định một số chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh T; khoản 7 Điều 19, khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng được UBND thành phố TB phê duyệt, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã thực hiện việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án, công khai mức bồi thường, hỗ trợ; đồng thời thông báo Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tới các hộ gia đình, cá nhân bao gồm cả gia đình ông A. Thực hiện các Quyết định phê duyệt phương án phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của UBND thành phố TB, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp với UBND xã VP tổ chức thực hiện việc chi trả tiền phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng phương án đã được UBND thành phố phê duyệt. Hộ gia đình ông A đã nhận đủ số tiền 179.658.400 đồng. Như vậy, UBND thành phố TB đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Người khởi kiện còn cho rằng việc bồi thường về đất giữa các hộ gia đình có đất thu hồi trong cùng dự án là khác nhau, không đảm bảo công bằng nhưng người khởi kiện không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh. Các tài liệu người bị kiện giao nộp thể hiện các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức mà Nhà nước có Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư mới xã VP, thành phố TB đều được áp dụng chung cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ; không có tài liệu thể hiện việc UBND thành phố TB áp giá bồi thường cao hơn cho một số hộ gia đình khác như người khởi kiện trình bày. Việc bồi thường, hỗ trợ đã đảm bảo nguyên tắc công bằng, công khai theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, Tòa án cấp sơ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND của UBND thành phố TB là có căn cứ.

- Xét Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố TB, tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu); Quyết định số 520/QĐ-

UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần hai):

Như đã phân tích ở đoạn [2.1] và [2.2] Quyết định số 13577/QĐ-UBND được ban hành đúng về trình tự, thủ tục, và nội dung. Ông A cho rằng đơn giá bồi thường là không công bằng giữa các hộ dân nên đã ủy quyền cho bà Hoàng Thị B và 04 công dân khác làm đơn khiếu nại và được Chủ tịch UBND thành phố TB giải quyết khiếu nại bằng việc ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu). Việc ban hành quyết định này là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại. Tuy có vi phạm về thời hạn giải quyết quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện nên không phải là căn cứ để hủy Quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố TB.

Vì Quyết định số 3272/QĐ-UBND là quyết định giải quyết lần đầu đối với Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 có căn cứ như đã phân tích nên Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh T giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng quy định pháp luật.

[3] Với các căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn A là đúng quy định của pháp luật. Xét nội dung kháng cáo của ông A vẫn như nội dung khởi kiện tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm không phát sinh tình tiết mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn A.

[4] Về án phí: Ông Hoàng Văn A là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông A.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, Điều 12, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác kháng cáo của ông Hoàng Văn A. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 196/2022/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Hoàng Văn A.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HSVA, P. HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thơm

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Tuyển **Nguyễn Mạnh Tiến** **Đặng Thị Thơm**